

**PHỤ LỤC 5. KẾT QUẢ CHỈ SỐ ĐA DẠNG 7 NHÓM TUYẾN PHỐ TMDV
DIỄN HÌNH TẠI KHU TRUNG TÂM CŨ TP. HỒ CHÍ MINH**

NHOM PB : <i>Tuyến TMDV thấp tầng, liên kế, kiến trúc bản địa</i>		I-1	I-2	I-3	I-11	I-12	III-3	TB
Hình khối	Cây xanh	1.85	2.64	1.33	1.54	1.37	1.00	1.62
	Chức năng công trình	1.07	1.40	1.23	1.07	1.24	1.42	1.24
	Tuổi thọ công trình	1.73	1.43	2.44	1.42	2.22	1.76	1.83
	Hình thức kiến trúc	1.07	1.43	1.40	1.07	1.33	1.15	1.24
	Tầng cao	1	1.59	1.24	1.44	2.15	1.07	1.42
	Chiều ngang khu đất	1.24	2.19	1.24	1.44	2.15	1.43	1.62
	Khoảng lùi	1	1.14	1.07	1.07	1.15	1.07	1.08
	Hàng rào	1	1.15	1.07	1	1.07	1.07	1.06
	Bãi xe	1	1.65	1.07	1.31	2.54	1.40	1.5
	Dạng mặt tiền (kín-mở)	1.40	1.62	1.24	1.85	1.49	1.40	1.5
	Màu sắc	3.45	3.51	5.37	6.13	3.78	8.06	5.05
Hoạt động	Loại hình TMDV	3.45	4.44	1.15	4.58	3.32	4.58	3.59
	Loại hình giao thông	2.53	3.4	2.07	2.34	2.54	2.86	2.62
	Loại hình VH-XH	0	1.23	1	0	1	1	0.71

NHOM IA : <i>Tuyến TMDV thấp tầng, liên kế, kiến trúc Pháp-Mỹ</i>		I-4	I-5	I-8	TB
Hình khối	Cây xanh	1.91	2.00	2.05	1.99
	Chức năng công trình	1.31	1.54	1.66	1.5
	Tuổi thọ công trình	3.32	3.06	3.54	3.31
	Hình thức kiến trúc	2.11	1.24	1.59	1.65
	Tầng cao	2.39	2.86	2.5	2.58
	Chiều ngang khu đất	2.39	2.86	2.5	2.58
	Khoảng lùi	1.14	1	1	1.05
	Hàng rào	1	1.07	1	1.02
	Bãi xe	1.68	1.92	1.83	1.81
	Dạng mặt tiền (kín-mở)	2.21	1.99	2.15	2.12

	Màu sắc	4.02	4.89	4.44	4.45
Hoạt động	Loại hình TMDV	8.88	8.7	6.8	8.13
	Loại hình giao thông	3.15	3.6	4.22	3.66
	Loại hình VH-XH	1	2.07	1	1.36

NHOM IB: <i>Tuyến TMDV hỗn hợp, kiến trúc Pháp-Mỹ</i>		I-6	I-7	I-9	I-10	TB
Hình khối	Cây xanh	1.13	1.65	1.67	1.54	1.50
	Chức năng công trình	2.01	1.31	1.07	2.07	1.62
	Tuổi thọ công trình	2.75	1.77	1.65	2.67	2.21
	Hình thức kiến trúc	1.76	1.07	1.15	1.33	1.33
	Tầng cao	5.44	3.13	4.72	4.03	4.33
	Chiều ngang khu đất	5.44	3.13	4.72	4.03	4.33
	Khoảng lùi	3.92	2.39	1.88	2.98	2.79
	Hàng rào	2.62	1.24	1.52	2.19	1.89
	Bãi xe	1.79	2.44	2.03	2.53	2.2
	Dạng mặt tiền (kín-mở)	1.79	2.22	2.82	2.96	2.45
	Màu sắc	4.44	5.72	4.94	6.40	5.38
Hoạt động	Loại hình TMDV	4.8	4.14	5.12	5.8	4.97
	Loại hình giao thông	2.65	2.53	3.13	2.72	2.76
	Loại hình VH-XH	1	0	1	2.07	1.02

NHOM IIIA: <i>Tuyến TMDV thấp tầng ,kiến trúc Pháp</i>		III-1	III-2	III-5	III-6	TB
Hình khối	Cây xanh	2.00	2.02	1.62	1.90	1.89
	Chức năng công trình	1.92	1.77	2.15	1.40	1.81
	Tuổi thọ công trình	2.72	1.31	1.07	1.54	1.66
	Hình thức kiến trúc	1.40	1.15	1.15	1.23	1.23
	Tầng cao	1.24	1.07	1.31	1.62	1.31
	Chiều ngang khu đất	4.63	3.88	2.79	3.43	3.68

	Khoảng lùi	5.06	3.11	2.42	2.9	3.37
	Hàng rào	2.03	2.5	1.54	1.66	1.93
	Bãi xe	2.94	2.82	2.27	2.15	2.55
	Dạng mặt tiền (kín-mở)	3.02	3.19	2.5	2.19	2.73
	Màu sắc	5.50	6.79	8.21	4.78	6.32
Hoạt động	Loại hình TMDV	4.5	6.3	4.94	4.78	5.13
	Loại hình giao thông	3.51	3.13	3.95	2.82	3.35
	Loại hình VH-XH	2.07	2.07	2.07	1	1.8

NHOM IIIB: <i>Tuyến TMDV thấp tầng, kiến trúc bản địa</i>		III-4	III-7	III-8	III-9	TB
Hình khối	Cây xanh	1.94	2.05	2.31	1.44	1.94
	Chức năng công trình	1.99	1.99	1.77	1.77	1.88
	Tuổi thọ công trình	3.29	3.82	2.34	1.42	2.72
	Hình thức kiến trúc	1.93	1.76	1.07	1.43	1.55
	Tầng cao	1	1	1.15	1.15	1.08
	Chiều ngang khu đất	3.34	5.72	3.82	5.30	4.55
	Khoảng lùi	3.29	3.69	2.09	3.25	3.08
	Hàng rào	1.99	3.19	1.49	2.54	2.3
	Bãi xe	3.06	2.53	2.88	2.27	2.69
	Dạng mặt tiền (kín-mở)	3.02	3.19	2.79	1.93	2.73
	Màu sắc	3.63	5.12	7.5	3.51	4.94
Hoạt động	Loại hình TMDV	4.07	4.48	5.51	3.75	4.45
	Loại hình giao thông	3.43	2.92	2.54	2.15	2.76
	Loại hình VH-XH	1.4	1	2.07	1	1.37

NHOM VA: <i>Tuyến TMDV thấp tầng, liên kế, kiến trúc người Hoa</i>		V-1	V-3	V-6	V-7	V-8	V-9	TB
Hình khối	Cây xanh	1.00	1.00	1.00	0.00	1.00	1.63	0.94
	Chức năng công trình	1.01	1.59	1	1.78	1.33	1.71	1.4

	Tuổi thọ công trình	2.11	1.31	3.75	3.78	2.15	2.27	2.56
	Hình thức kiến trúc	1.07	1.07	1.43	1.33	1.24	1.15	1.22
	Tầng cao	1	1	1	1	1	1	1
	Chiều ngang khu đất	1.26	1.15	1.67	1.77	1.69	1.79	1.56
	Khoảng lùi	1	1	1.07	1	1.07	1.07	1.04
	Hàng rào	1	1	1	1.15	1.07	1	1.04
	Bãi xe	1	1.68	1.07	1.92	1.07	1.07	1.3
	Dạng mặt tiền (kín-mở)	1.07	2.03	1.07	1.76	1.07	1.40	1.4
	Màu sắc	6.21	4.35	6.69	7.37	5.96	5.51	6.02
Hoạt động	Loại hình TMDV	2.15	5.51	1.84	5.24	1.84	8.7	4.21
	Loại hình giao thông	1.43	1.88	3.06	1.52	2.44	2.75	2.17
	Loại hình VH-XH	0	0	0	1	1	0	0.33

NHOM VB: <i>Tuyến TMDV hỗn hợp, kiến trúc người Hoa</i>		V-2	V-4	V-5	TB
Hình khối	Cây xanh	1.86	1.00	1.76	1.54
	Chức năng công trình	1.77	1.83	1.52	1.71
	Tuổi thọ công trình	3.88	2.65	2.72	3.08
	Hình thức kiến trúc	1.68	1.15	1.07	1.3
	Tầng cao	1.31	1.23	1.07	1.2
	Chiều ngang khu đất	3.66	3.72	1.65	3.01
	Khoảng lùi	1.23	1.15	1.15	1.18
	Hàng rào	1.07	1.07	1.07	1.07
	Bãi xe	1.99	1.66	1.07	1.57
	Dạng mặt tiền (kín-mở)	1.85	3.19	2.62	2.55
	Màu sắc	5.30	6.49	6.69	6.16
Hoạt động	Loại hình TMDV	3.88	6.49	4.07	4.81
	Loại hình giao thông	3.13	3.2	3.13	3.15
	Loại hình VH-XH	1	0	1	0.67